

TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2024/HS-ST
Ngày 13-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 9

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trung tá Lê Thanh Nhựt.

Các Hội thẩm quân nhân:

Trung tá Trần Phước Nguyên;

Thiếu tá Trần Văn Tú.

Thư ký phiên tòa: Đại úy Nguyễn Hồng Quân, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91 tham gia phiên tòa: Trung tá Nguyễn Văn Truyền, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh Tr, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1985, tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 77, đường Hồ Trung Thành, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 3/ QNCN, Nhân viên, Nhà Văn hóa, Cục Chính trị, Quân khu 9; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lê Thị X; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ Ng, có 01 người con (sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1997, tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Số 69/01/29, đường Phạm Ngọc Hưng, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Ngọc D; có chồng là Lê Út H, có 01 người con (sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Trần Vũ K, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2000, tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Số 77, đường Hồ Trung Thành, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần

Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Lê Thị M; có mặt.
2. Nguyễn Thị Mỹ Ng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2022, do số lượng đơn đặt hàng của Cửa hàng Quảng cáo N tăng nhanh và các khách hàng khi mua hàng đều yêu cầu phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng nhưng Cửa hàng Quảng cáo N là hộ kinh doanh, không xuất được hoá đơn giá trị gia tăng nên Trần Thanh Tr nảy sinh ý định thành lập công ty để thực hiện các đơn đặt hàng, xuất hóa đơn. Vì là đảng viên, không thể tự đứng tên thành lập công ty nên Trần Thanh Tr đã nhờ Trần Vũ K là nhân viên đang làm việc cho Cửa hàng Quảng cáo N đứng tên để thành lập công ty, thì K đồng ý và Tr nhờ Nguyễn Thị Bích T làm thủ tục thành lập công ty, T đồng ý, toàn bộ thông tin, chi phí thành lập do Tr cung cấp.

Ngày 02/8/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH MTV Công Binh D (Công ty D), mã số thuế 1801728346; địa chỉ trụ sở chính tại: Số 81Z1 đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; ngành, nghề kinh doanh: Quảng cáo; vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng; Người đại diện theo pháp luật là Trần Vũ K - Giám đốc Công ty. Sau khi thành lập Công ty, Tr thuê Nguyễn Thị Bích T làm kế toán, làm việc tại nhà. Trần Vũ K là người đứng tên giám đốc nhưng thực tế K chỉ đang làm thuê cho Tr tại Cửa hàng Quảng cáo N. Tr quản lý con dấu tròn và tài khoản ngân hàng của Công ty; T giữ chữ ký số; Trần Vũ K chỉ là giám đốc trên giấy tờ pháp lý, ký các hồ sơ, chứng từ khi Tr yêu cầu. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty D cũng như các thủ tục báo giá cho các khách hàng liên hệ mua hàng là do Tr soạn thảo; hồ sơ, sổ sách kế toán, các hợp đồng, nghiệm thu thanh lý hợp đồng do T thiết lập, dựa trên báo giá và thông tin người mua hàng do Tr cung cấp. Toàn bộ tài liệu trên đều do K ký tên và được Tr hoặc T đóng dấu.

Quá trình kê khai nộp thuế cho Công ty D, T nhận thấy công ty xuất nhiều hóa đơn đầu ra nhưng có ít hóa đơn đầu vào nên đã trao đổi với Tr để Tr tìm thêm hóa đơn đầu vào nhằm lợi dụng chính sách khấu trừ tiền thuế giá trị gia tăng (GTGT) của Nhà nước, từ đó sẽ tăng được lợi nhuận cho Công ty. Nghe vậy, Tr đã liên hệ với một người đàn ông tên Th ở Thành phố Hồ Chí Minh để mua hóa đơn không hợp pháp về đưa cho T cân đối, kê khai nộp thuế cho Công ty.

Từ ngày 10/8/2022 đến ngày 28/11/2022, Trần Thanh Tr đã mua 55 số hóa đơn không hợp pháp của 08 Công ty từ Th với số tiền 88.949.469 đồng, bằng với số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn, tổng doanh số bán hàng chưa thuế của các hoá đơn là 952.121.200 đồng.

Từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/3/2023, Nguyễn Thị Bích T đã mua 39 số hóa đơn không hợp pháp của 06 Công ty từ người đàn ông tên Th với số tiền 63.314.371 đồng, bằng giá tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn, tổng doanh số bán hàng chưa thuế là 633.143.710 đồng.

Tổng số hóa đơn Tr và T đã mua của người đàn ông tên Th là 94 với số tiền 152.263.840 đồng, bằng giá tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn, đã kết chuyển hết 1.234.584.910 đồng, của 72 số hoá đơn bất hợp pháp mua vào năm 2022 vào giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp để hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2022. Đối với 22 số hoá đơn còn lại, tổng doanh số bán hàng chưa thuế là 350.680.000 đồng, xuất trong năm 2023, chưa đến thời hạn quyết toán thuế TNDN năm 2023. Từ khi bị kiến nghị khởi tố vào tháng 6/2023, Công ty D đã dừng tất cả mọi hoạt động; con dấu tròn, chữ ký số đã giao nộp toàn bộ về Cơ quan điều tra.

Căn cứ Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2022 ngày 28/3/2023, Công ty D phát sinh lỗ 3.778.235 đồng, bản giải trình khai bổ sung ngày 06/4/2023, số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau là 1.008.727 đồng. Tờ khai thuế GTGT quý 1/2023 bổ sung lần 1 ngày 15/7/2023, không phát sinh thuế GTGT phải nộp.

Từ khi được cấp phép hoạt động đến hết quý 2/2023, Công ty D đã nhận và sử dụng tổng cộng 126 số hóa đơn đầu vào của 26 Công ty, trong đó có 94 số hóa đơn không hợp pháp của 13 công ty để kê khai nộp thuế với Chi cục Thuế quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để trốn thuế với số tiền 397.416.448 đồng, trong đó: thuế GTGT là 151.255.113 đồng; thuế TNDN năm 2022 là 246.161.335 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh Tr khai nhận: Từ khi chính thức được cấp phép đi vào hoạt động từ ngày 02/8/2022 đến hết quý 2/2023, khi Kế toán Công ty D là Nguyễn Thị Bích T kiểm tra trên hệ thống quản lý hóa đơn điện tử nhận thấy quá trình kê khai thuế của Công ty xuất nhiều hóa đơn đầu ra nhưng có ít hóa đơn đầu vào nên T trao đổi với bị cáo và bị cáo đã tìm mua hóa đơn đầu vào để lợi dụng chính sách khấu trừ thuế của Nhà nước để tăng lợi nhuận cho Công ty. Ngay sau đó, bị cáo liên hệ với người đàn ông tên Th ở Thành phố Hồ Chí Minh để mua 55 số hóa đơn GTGT không hợp pháp với số tiền 88.949.469 đồng, về đưa cho T cân đối kê khai nộp thuế cho Công ty. Quá trình kê khai nộp thuế cho Công ty, T tự cân đối nhận thấy hóa đơn đầu vào chưa đảm bảo nên báo với bị cáo để bị cáo đưa tiền và liên hệ với Th mua 39 số hóa đơn không hợp pháp với số tiền 63.314.371 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động đến nay, Công ty D của bị cáo đã sử dụng tổng số 94 số hóa đơn không hợp pháp để kê khai nộp thuế với Chi Cục Thuế quận Ninh Kiều. Trong đó, đã sử dụng 94/94 số hóa đơn không hợp pháp để kê khai nộp thuế GTGT làm giảm số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được khấu trừ đối với Ngân sách Nhà nước là 151.255.113 đồng và sử dụng

72/94 số hóa đơn không hợp pháp trong năm 2022 để kê khai nộp thuế TNDN làm giảm số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được khấu trừ đối với Ngân sách Nhà nước là 246.161.335 đồng. Tổng số tiền Công ty D đã trốn thuế đối với Ngân sách Nhà nước là 397.416.448 đồng. Số hóa đơn không hợp pháp còn lại là 22/94 trong năm 2023, Công ty D chưa sử dụng để kê khai nộp thuế TNDN do chưa hết năm tài chính để tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nên đã chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả, giao nộp lại số tiền 397.416.448 đồng, mà Công ty D đã trốn nộp thuế đối với Ngân sách Nhà nước. Đồng thời, thực hiện theo Công văn số 3684/CCT-KTr2 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thuế quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bị cáo đưa tiền cho Nguyễn Thị Bích T nộp tiền thuế môn bài là 2.052.200 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Bích T khai nhận: Bị cáo là nhân viên Kế toán Công ty D, quá trình kê khai nộp thuế cho Công ty, bị cáo kiểm tra trên hệ thống quản lý hóa đơn điện tử nhận thấy việc kê khai thuế của Công ty xuất nhiều hóa đơn đầu ra nhưng có ít hóa đơn đầu vào nên trao đổi với anh Tr tìm mua hóa đơn đầu vào để lợi dụng chính sách khấu trừ thuế của Nhà nước nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty. Lúc đầu anh Tr tự cân đối mua 55 số hóa đơn GTGT không hợp pháp về đưa cho bị cáo kê khai nộp thuế cho Công ty. Về sau anh Tr kêu bị cáo tự cân đối và liên hệ với anh Th mua 39 số hóa đơn không hợp pháp với số tiền 63.314.371 đồng, để kê khai nộp thuế. Mục đích của anh Tr và bị cáo sử dụng tổng số 94 số hóa đơn không hợp pháp để kê khai nộp thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được khấu trừ đối với Ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền Công ty D đã trốn thuế đối với Ngân sách Nhà nước là 397.416.448 đồng. Số hóa đơn không hợp pháp còn lại của năm 2023, Công ty D chưa sử dụng để kê khai nộp thuế TNDN do chưa hết năm tài chính để tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với 10 số hóa đơn nguyên liệu đầu vào hợp lệ quý 2 năm 2023, Công ty đã kê khai nộp thuế môn bài theo quy định. Việc giúp anh Tr kê khai trốn thuế số tiền trên bị cáo không được hưởng lợi gì, bị cáo làm kế toán cho Công ty với tiền lương 6.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Vũ K khai nhận: Bị cáo là nhân viên làm thuê tại Cửa hàng Quảng cáo N, do anh Trần Thanh Tr và chị Nguyễn Thị Mỹ Ng làm chủ. Khoảng giữa năm 2022, anh Tr có mượn căn cước công dân của bị cáo để thành lập Công ty D và nhờ bị cáo đứng tên làm Giám đốc, việc bị cáo đứng tên dùm là do bị cáo tự nguyện và tin tưởng anh Tr. Nhiệm vụ của bị cáo là ký tên các tài liệu anh Tr đưa như: Hợp đồng, báo giá, nghiệm thu, trước khi ký bị cáo không được trao đổi hay bàn bạc nội dung liên quan, bị cáo có đọc qua nhưng cũng không hiểu rõ. Việc xuất hóa đơn và kê khai nộp thuế là do anh Tr và chị T thực hiện, bị cáo không biết cũng không được báo cáo hay chỉ đạo thực hiện, đến khi làm việc với Cơ quan Thuế và Cơ quan điều tra bị cáo mới biết Công ty D đã sử dụng 126 hóa đơn để kê khai quyết toán thuế, trong đó sử dụng 94 hóa đơn không hợp pháp để kê khai, quyết toán thuế, dẫn đến trốn thuế với tổng số tiền 397.416.448 đồng. Việc tin tưởng và giúp anh Tr đứng tên đại diện theo pháp luật thành lập Công ty D để thực hiện hành vi trốn thuế bị cáo hoàn toàn không có

hưởng bất kỳ lợi ích gì, công việc chính của bị cáo là gia công, in ấn, thi công lắp đặt các đơn hàng với mức lương 6.000.000 đồng/tháng.

Người làm chứng Lê Thị M khai: Cửa hàng Quảng cáo N là do tôi đứng tên làm chủ, nhưng tôi đã giao cho con gái tôi là Nguyễn Thị Mỹ Ng và con rể là Trần Thanh Tr cùng nhau quản lý mọi hoạt động điều hành. Tôi có nghe Tr nói về việc thành lập Công ty D, do khoảng giữa năm 2022 số lượng đơn đặt hàng nhiều, khách hàng lại yêu cầu xuất hóa đơn GTGT mà Cửa hàng N lại không xuất được, nên Tr thành lập Công ty để thực hiện các đơn đặt hàng và chuyển đổi dần Cửa hàng N sang mô hình Công ty. Từ khi thành lập Công ty tôi thấy Tr bận rộn hơn, tôi thấy hoạt động của Công ty D với Cửa hàng N như là một, trong hoạt động kinh doanh thì Tr không có đưa khoản tiền nào hay mua sắm tài sản gì cho tôi hết. Thời gian gần đây tôi nghe thông tin là Công ty D bị khởi tố về hành vi trốn thuế, tôi có bảo Tr giao nộp lại số tiền trốn thuế, có khó khăn gì tôi sẽ giúp đỡ và Tr nói đã biết sai nên nộp lại toàn bộ số tiền đã trốn thuế.

Người làm chứng Nguyễn Thị Mỹ Ng khai: Tôi là vợ của anh Trần Thanh Tr, Cửa hàng Quảng cáo N là do mẹ tôi đứng tên làm chủ, nhưng giao cho tôi và anh Tr cùng nhau quản lý mọi hoạt động điều hành. Khoảng tháng 7/2022, do số lượng đơn đặt hàng nhiều, khách hàng lại yêu cầu xuất hóa đơn GTGT mà Cửa hàng N lại không xuất được, nên anh Tr nhờ Trần Vũ K đứng tên thành lập Công ty để thực hiện các đơn đặt hàng và nâng cấp, mở rộng quy mô kinh doanh, chuyển đổi dần Cửa hàng N sang mô hình Công ty. Từ khi thành lập Công ty tôi thấy anh Tr bận rộn hơn, thực chất hoạt động kinh doanh của Công ty D với Cửa hàng N là một. Vấn đề kê khai quyết toán thuế của Công ty D tôi hoàn toàn không biết, cũng không tham gia, thời gian gần đây tôi thấy Công ty ít khách hàng nên có hỏi, anh Tr mới tâm sự với tôi là Công ty D có sử dụng hóa đơn không hợp pháp để kê khai nộp thuế và bị Chi Cục thuế quận Ninh Kiều phát hiện, Công an quận Ninh Kiều phối hợp với Cơ quan điều tra của Quân khu làm rõ, tôi khuyên chồng nên hợp tác với Cơ quan điều tra và khắc phục hậu quả ngay sớm nhất có thể. Trong quá trình hoạt động của Công ty tôi thấy anh Tr có soạn thảo nhiều hợp đồng, còn lợi nhuận của Công ty tôi hoàn toàn không có nhận, giữ hay được chia.

Biên bản vi phạm hành chính về hóa đơn số 262/BB-VPHC ngày 31/5/2023 của Chi Cục thuế quận Ninh Kiều xác định: Công ty D đã trốn nộp thuế tổng số tiền 113.596.989 đồng và yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

Quyết định số 1191/QĐ-CCT ngày 31/5/2023 của Chi Cục thuế quận Ninh Kiều, về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Công ty D.

Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực thuế ngày 22/11/2023 của Cục Thuế thành phố Cần Thơ xác định: Hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp để kê khai thuế làm giảm số thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được khấu trừ của Công ty D có sử dụng 94 số hóa đơn bất hợp pháp để quyết toán thuế TNDN năm 2022, kê khai hóa đơn GTGT đầu vào là hành vi trốn thuế; Số thuế trốn của Công ty D do Trần Vũ K làm Giám đốc đối với Ngân sách Nhà nước là

397.416.448 đồng, trong đó: thuế GTGT là 151.255.113 đồng (152.263.840đ – 1.008.727đ); thuế TNDN năm 2022 là 246.161.335 đồng (1.234.584.910đ – 3.778.234đ x 20%).

Tại văn bản số 3684/CCT-KTr2 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thuế quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xác định: Tính đến ngày 29/5/2024, Công ty D vẫn đang hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; Chi cục Thuế quận Ninh Kiều không nhận được chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty D năm 2023.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSKV91 ngày 15 tháng 9 năm 2024, Viện Kiểm sát quân sự Khu vực 91, truy tố các bị cáo:

Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Bích T và Trần Vũ K về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng truy tố.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về hình sự: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Thanh Tr từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Vũ K từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 4 Điều 200; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS, phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Thanh Tr từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền mà Công ty D đã trốn thuế là 397.416.448 đồng. Số tiền này bị cáo Trần Thanh Tr đã giao nộp tại Phòng Thi hành án Quân khu 9.

Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng: 01 dấu tròn Công ty D; 01 dấu tên Trần Vũ K; 01 USB VINRA quản trị chứng thư số (chữ ký số) Công ty D, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ, nhưng trong vụ án này không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty D. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, đề nghị trả lại cho chủ sở hữu Trần Vũ K.

Các bị cáo đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng nên không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải về việc làm sai phạm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 5 - Quân khu 9, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định trong khoảng thời gian từ ngày 10/8/2022 đến ngày 13/3/2023, Trần Thanh Tr và Nguyễn Thị Bích T đã mua 94 số hóa đơn không hợp pháp của 13 Công ty từ người đàn ông tên Th với tổng số tiền 152.263.840 đồng, bằng giá tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn, đã kết chuyển hết 1.234.584.910 đồng, của 72 số hoá đơn bất hợp pháp mua vào năm 2022 vào giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp để hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2022. Đối với 22 số hoá đơn còn lại, tổng doanh số bán hàng chưa thuế là 350.680.000 đồng, xuất trong năm 2023, chưa đến thời hạn quyết toán thuế TNDN năm 2023, để kê khai nộp thuế, nhằm mục đích giảm số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được khấu trừ đối với Ngân sách Nhà nước. Thông qua việc hợp thức 94 số hóa đơn GTGT đầu vào của Tr và T, Công ty D do Trần Vũ K làm Giám đốc đã trốn thuế GTGT và thuế TNDN với tổng số tiền là 397.416.448 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi theo quy định, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Bích T và Trần Vũ K phạm tội “Trốn Thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 BLHS. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến cơ chế quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ, xâm phạm đến chế độ quản lý thuế, gây thất thu ngân sách Nhà nước. Xuất phát từ nguyên nhân, các bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, các bị cáo phải nhận thức được rằng, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là nhiệm vụ và

trách nhiệm của toàn dân. Nhưng các bị cáo đã lợi dụng chính sách ưu đãi, giảm trừ thuế của Nhà nước để mua các hóa đơn bất hợp pháp nhằm mục đích trốn thuế. Trong vụ án này, các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi phạm tội, đây là vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, với vai trò cụ thể của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Trần Thanh Tr là người khởi xướng, là người quản lý, chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty D; bị cáo Tr biết rõ việc nếu công ty chỉ sử dụng số hóa đơn đầu vào hợp pháp như thực tế mua hàng thì công ty sẽ phải nộp thuế với số tiền nhiều hơn, dẫn đến lợi nhuận công ty giảm nên đã chủ động liên hệ với người tên Th mua 55 số hóa đơn không hợp pháp và chỉ đạo cho bị cáo T cân đối, mua hóa đơn không hợp pháp nếu thấy thiếu hụt. Bị cáo Tr và T đều biết và thống nhất ý chí trong việc sử dụng 94 số hóa đơn không hợp pháp mua được để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, để được khấu trừ thuế, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty D với số tiền 397.416.448 đồng. Do đó, bị cáo Tr phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích T với vai trò là người thực hành, quá trình kê khai nộp thuế cho Công ty D, T nhận thấy công ty xuất nhiều hóa đơn đầu ra, nhưng có ít hóa đơn đầu vào nên đã trao đổi với bị cáo Tr để Tr tự tìm thêm hóa đơn đầu vào, lợi dụng các chính sách khấu trừ tiền thuế của Nhà nước từ đó sẽ tăng được lợi nhuận cho công ty. Bị cáo T đã trực tiếp mua 39 số hóa đơn không hợp pháp và sử dụng 94 số hóa đơn không hợp pháp, hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào, làm giảm số tiền thuế phải nộp, làm tăng số tiền thuế được khấu trừ cho Công ty D đối với Ngân sách Nhà nước số tiền 397.416.448 đồng, mặc dù bị cáo T nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Tr.

Đối với bị cáo Trần Vũ K, tuy không biết cụ thể việc Tr và T mua và sử dụng 94 số hóa đơn không hợp pháp để kê khai nộp thuế nhằm mục đích được khấu trừ thuế, làm giảm số tiền thuế phải nộp cho công ty, nhưng bị cáo K là người đứng tên đại diện theo pháp luật cho Công ty D và đã ký tên trên các báo cáo thuế. Bị cáo biết rõ trên thực tế Công ty D ít mua hàng hóa đầu vào nhưng khi báo cáo thuế thì có đầy đủ hóa đơn đầu vào, bị cáo biết các hóa đơn này là không hợp pháp nhưng bị cáo vẫn ký vào các báo cáo thuế theo sự chỉ đạo của Tr nhằm trốn thuế với số tiền 397.416.448 đồng. Do đó, bị cáo K phải chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành.

Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự quản lý thuế, ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và làm ảnh hưởng đến tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, gây dư luận không tốt trong xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm, đúng theo quy định của pháp luật để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Thanh Tr, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình công tác được tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, Ba; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận 7, Giám đốc Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện giao nộp số tiền 397.416.448 đồng, mà Công ty D trốn nộp đối với ngân sách Nhà nước, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Bích T và Trần Vũ K, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo K có bà nội là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét toàn diện nội dung của vụ án, hành vi của các bị cáo; do các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, bị cáo Tr và bị cáo K được hưởng thêm khoản 2 Điều 51, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 BLHS, các bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu với các quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo, thì các bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo chế định này. Do đó, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho đơn vị, chính quyền địa phương nơi các bị cáo làm việc và cư trú để giám sát, giáo dục, cũng đủ để các bị cáo có thời gian tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội sau này, thể hiện tính nhân văn và sự khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy cần áp dụng khoản 4 Điều 200; khoản 2 khoản 3 Điều 35 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Thanh Tr.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích T, đang nuôi con nhỏ; bị cáo Trần Vũ K, không có việc làm và thu nhập ổn định, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T và K. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với người đàn ông tên Th, có hành vi bán 94 số hoá đơn không hợp pháp của 13 Công ty cho Trần Thanh Tr và Nguyễn Thị Bích T, quá trình điều tra không xác định được Th hiện đang làm gì, ở đâu nên Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 5 không có căn cứ xử lý người này về hành vi mua, bán trái phép hoá đơn. Cơ quan điều tra tiếp tục phối hợp với cơ quan chức năng bên ngoài, khi nào xác định được lý lịch người tên Th có hành vi như trên sẽ xử lý sau.

Đối với 13 Công ty đã xuất hóa đơn không hợp pháp cho Công ty D, kết quả điều tra xác định: Các Công ty này nằm trong danh sách “Doanh nghiệp có nghi

vấn gian lận trong mua, bán hóa đơn trái phép” hoặc “Doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao về thuế”; “Doanh nghiệp có dấu hiệu mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp”; một số Công ty đã tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, chủ sở hữu không sinh sống tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không biết, không có số điện thoại liên lạc nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Ngày 01/8/2024, Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 5, Quân khu 9 ra văn bản số 114/ĐTHS-ĐT kiến nghị Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, rút giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với công ty Công ty TNHH Dịch vụ in ấn quảng cáo Đức Giang; Công ty TNHH TMDV xây dựng Norma và Công ty TNHH vật liệu xây dựng Thái Dương SG theo quy định.

Đối với bà Lê Thị M và Nguyễn Thị Mỹ Ng, không tham gia vào hoạt động, cũng như không biết hành vi trốn thuế của Công ty D nên không có cơ sở xem xét truy cứu trách nhiệm trong vụ án.

Đối với Pháp nhân Công ty D do Trần Vũ K là người đại diện pháp luật, nhưng thực chất là do Trần Thanh Tr chỉ đạo, điều hành và Nguyễn Thị Bích T làm kế toán, ngoài ra Công ty D không còn thành viên nào khác. Cơ quan điều tra đã khởi tố hành vi của Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Bích T và Trần Vũ K về tội “Trốn thuế”. Do đó, xét thấy không đủ điều kiện và không cần thiết xử lý hình sự đối với Pháp nhân thương mại là Công ty D.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền Công ty D đã trốn thuế là 397.416.448 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003025 ngày 24/5/2024, của Phòng Thi hành án Quân khu 9.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng là: 01 dấu tròn Công ty D; 01 dấu tên Trần Vũ Kha; 01 USB VINRA quản trị chứng thư số (chữ ký số) Công ty D, do không đủ điều kiện xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty D. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho chủ sở hữu Trần Vũ K.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Bích T và Trần Vũ K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Bích T và Trần Vũ K, phạm tội “Trốn Thuế”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh Tr 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2024). Giao bị cáo cho Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Quân khu 9 để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 200; khoản 2 khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Thanh Tr 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Vũ K 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc và nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 397.416.448 (ba trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi tám) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho chủ sở hữu Trần Vũ K: 01 (một) dấu tròn Công ty D; 01 (một) dấu tên Trần Vũ K; 01 (một) USB VINRA quản trị chứng thư số (chữ ký số) Công ty D, theo Biên bản giao nhận hồ sơ vụ án số 07/BB-VKSQSKV91 ngày 16/9/2024.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Bích T và Trần Vũ K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13 tháng 11 năm 2024) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 9./.

Nơi nhận:

- VKSQSKV91, VKSQSQK9;
- CQĐTHSKV5-QK9;
- Phòng THA-QK9;
- Cơ quan THAHS;
- Phòng Tuyên huấn, CCT, QK9;
- UBND P. An Thới, BT, TPCT;
- UBND P. Trà An, BT, TPCT;
- Bị cáo;
- Lưu: THS, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trung tá Lê Thanh Nhựt

